

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

QUỸ ETF SSIAM VNX50

Số/No.: 183/2020/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2020
Hanoi, 30 March 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH
HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Ho Chi Minh City Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng BIDV, Chi nhánh Hà Thành
- Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/ Securities symbol: FUESSV50
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: 27/03/2020
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF
Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order I	Securities symbol Chứng khoán/Stock	Volume	Weight
1	ACB	2,300	4.8%
2	BVH	90	0.4%
3	CII	280	0.5%
4	CTD	40	0.2%
5	CTG	480	0.9%
6	DHG	10	0.1%
7	DXG	590	0.6%
8	EIB	1,500	2.4%
9	FLC	820	0.3%
10	FPT	780	3.6%
11	GAS	130	0.8%
12	GEX	560	0.8%
13	GMD	360	0.6%
14	HBC	230	0.2%
15	HCM	170	0.2%
16	HDB	970	2.0%
17	HPG	2,390	4.3%
18	HSG	360	0.2%



19	KBC	500	0.6%
20	MBB	2,010	3.2%
21	MSN	670	3.5%
22	MWG	410	2.9%
23	NLG	210	0.5%
24	NVL	470	2.6%
25	PDR	180	0.5%
26	PLX	150	0.6%
27	PNJ	260	1.5%
28	POW	670	0.5%
29	PVD	300	0.3%
30	PVS	300	0.3%
31	REE	240	0.7%
32	ROS	360	0.2%
33	SAB	100	1.3%
34	SBT	380	0.5%
35	SHB	1,700	2.2%
36	SSI	440	0.6%
37	STB	2,600	2.4%
38	TCB	3,280	5.6%
39	TCH	280	0.5%
40	TPB	710	1.5%
41	VCB	420	2.8%
42	VCG	100	0.3%
43	VCS	100	0.6%
44	VGC	200	0.3%
45	VHM	1,180	7.6%
46	VIC	1,110	9.5%
47	VJC	370	3.8%
48	VNM	1,070	10.6%
49	VPB	2,460	5.1%
50	VRE	1,310	2.8%
II	Tiền/Cash (VND)	15,341,464	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Difference between a basket and an ETF Creation Unit in value:*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Basket in value	936,047,700 VND
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value of an ETF Creation Unit	951,389,164 VND
+ Giá trị chênh lệch/ Cash Component	15,341,464 VND
+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / Options to Investors:	

· Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer Cash Component

· Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order : Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive Cash Component after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/
In case, stock can be substituted by cash, state clearly the reason:

STT No	Mã Chứng Khoán Securities	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	BVH	39,500	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC <i>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC</i>
2	SSI	12,950	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch <i>Treasury stock not yet registered for trading</i>
3	VCB	63,200	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC <i>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC</i>
4	ACB	19,700	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
5	FPT	44,200	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	GMD	15,900	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	MBB	15,050	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	MWG	68,000	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	PNJ	53,800	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
10	REE	28,350	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>



11	TCB	16,100	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
12	TPB	20,500	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
13	VPB	19,600	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period 27/03/2020	Kỳ trước/Last Period 26/03/2020	Chênh lệch/ Difference
Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	14,200,000	14,200,000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	9,500	9,550	-50
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date của quỹ ETF/ of the Fund	135,097,261,378	135,974,349,988	-877,088,610
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	951,389,164	957,565,844	-6,176,680
của 1 CCQ/ per Share	9,513.89	9,575.65	-61.76
Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1,071.58	1,076.45	-4.87

Đại diện tổ chức

Organization representative



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thị Lê Hằng